

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Bà Tô Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T (Đỗ Hồng T), sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 25/37, đường N, tổ 03, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 25/37, đường N, tổ 03, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

1. Về hôn nhân: Chị T và anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại huyện T, tỉnh Thái Bình được khoảng 01 năm thì lên thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sinh sống và làm việc. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau nên vợ chồng thường hay xảy ra tranh cãi, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải và khuyên bảo nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do không chịu được áp lực, đầu tháng 6 năm 2018 chị T cùng con trai là Phạm Hùng C thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị T trình bày, chị T và anh H có hai con chung là cháu Phạm Việt D, sinh ngày 13/11/2007 và cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 14/7/2012. Tuy nhiên, sau khi anh H có đơn đề nghị giám định ADN để xác định huyết thống giữa anh H và cháu Phạm Hùng C và bản kết luận giám định số 267/C09-TT3 ngày 27/8/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An kết luận anh Phạm Văn H không phải là cha đẻ của cháu Phạm Hùng C, thì chị T thừa nhận kết luận giám định này là đúng và xác định cháu Phạm Hùng C là con riêng của chị T. Nên chị T đề nghị Tòa án chỉ giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu Phạm Việt D. Chị T đồng ý giao con chung là cháu Phạm Việt D cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của cháu D. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa, anh Phạm Văn H trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị T như sau:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc chị T khai anh H có quan hệ ngoại tình là không đúng, vì chị T không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh anh H ngoại tình và theo kết luận giám định ADN có thể thấy người ngoại tình chính là chị T chứ không phải anh H. Anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho tới nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh H đồng ý vì anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

2. Về con chung: Anh H cũng xác định, anh và chị T có một con chung là cháu Phạm Việt D, sinh ngày 13/11/2007. Anh H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Việt D và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 14/7/2012, anh H nghi ngờ cháu C không phải là con đẻ của anh H nên đã yêu cầu và Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định ADN. Tại bản kết luận giám định số 267/C09-TT3 ngày 27/8/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An kết luận: Anh Phạm Văn H không phải là cha đẻ của cháu Phạm Hùng C. Anh H hoàn toàn nhất trí với kết luận giám định trên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chi phí giám định: Anh Phạm Văn H tự nguyện chịu khoản chi phí giám định ADN với số tiền là 8.950.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H; Xử giao con chung là cháu Phạm Việt D cho anh Phạm Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với cháu Phạm Hùng C không phải là con đẻ của anh Phạm Văn H mà là con riêng của chị T nên không đặt ra trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng đối với anh H. Về tài sản: chị T, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chấp nhận việc tự nguyện chịu chi phí giám định ADN của anh Phạm Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án được đưa ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, từ năm 2009 cho đến nay, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, anh chị sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Phạm Việt D, sinh ngày 13/11/2007. Ly hôn, chị T và anh H thỏa thuận: Giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận này của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Đối với cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 14/7/2012 mặc dù được sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng theo kết luận giám định số 267/C09-

TT3 ngày 27/8/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Anh Phạm Văn H không phải là cha đẻ của cháu Phạm Hùng C. Anh H và chị T đều thừa nhận kết luận giám định trên là đúng. Xét thấy kết luận giám định số 267/C09-TT3 ngày 27/8/2018 dựa trên cơ sở khoa học, có giá trị pháp lý, do đó Hội đồng xét xử xác định anh Phạm Văn H không phải là cha đẻ của cháu Phạm Hùng C. Do cháu Phạm Hùng C không phải là con đẻ của anh H nên chị T có trách nhiệm làm thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu Phạm Hùng C tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hộ tịch.

[4] Về tài sản: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định: Anh H tự nguyện nhận chịu chi phí giám định ADN số tiền là 8.950.000 đồng nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 146, Điều 147, Điều 149, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 89, 101 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T (Đỗ Hồng T) và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn H: Giao cháu Phạm Việt D, sinh ngày 13/11/2007 cho anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

2.2. Xác định cháu Phạm Hùng C, sinh ngày 14/7/2012 không phải là con đẻ của anh Phạm Văn H. Chị T có trách nhiệm làm thủ tục cải chính hộ tịch cho cháu Phạm Hùng C tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hộ tịch.

3. Về tài sản: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu 0007142 ngày 19 tháng 7 năm 2018 sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm và tiếp tục thi hành án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về chi phí giám định: Chấp nhận việc anh Phạm Văn H tự nguyện nhận chịu chi phí giám định ADN số tiền 8.950.000 đồng (anh H đã thi hành xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T, anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- UBND xã T, h. Thái Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

